

PHỤ LỤC SỐ 04

(Ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố trên thị trường chứng khoán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 34/BC-CIPC

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I/ THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101058736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/03/2006, cấp thay đổi lần 10 ngày 4/6/2016.
- Vốn điều lệ: 45.450.000.000, VNĐ
- Địa chỉ trụ sở: Tầng 4, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội.
- Điện thoại: 0433120165 Fax: 0433120141
- Website: www.cipc.vn _____ - Mã cổ phiếu: CIP

***. Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tiền thân là Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp, được thành lập ngày 04/6/1959 theo Nghị định 388 của Thủ tướng Chính phủ, thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (Nay là Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam) – Bộ Công Thương.

Ngày 20/5/1993 theo Quyết định số 250-QĐ/TCNSĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng Quyết định thành lập lại Công ty Xây lắp II được phép đặt trụ sở tại Phường Trung Thành – Thành phố Thái Nguyên – tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 30/7/1996 theo Quyết định số 212/QĐ –TCCB của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc đổi tên Công ty Xây lắp (tên cũ là Công ty Xây lắp II) thành Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam.

Năm 1998, Công ty được sắp xếp lại từ thành viên của Tổng Công ty Thép chuyển sang cùng một số đơn vị của Bộ Công nghiệp để thành lập Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam) cho

phù hợp với ngành nghề kinh doanh, mô hình quản lý xây lắp đa dạng sản phẩm, nhận thầu công trình lớn trọn gói kể cả tư vấn thiết kế, v.v.v..

Năm 2005, thực hiện chủ trương và lộ trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, theo Quyết định số 2980/QĐ-BCN ngày 22/9/2005 và Quyết định số 281/QĐ-BCN ngày 13/2/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp thành Công ty cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp (tên viết tắt là: CIPC. Mã cổ phiếu: CIP)

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số: 010311630 do Sở kế hoạch và Đầu tư cấp (lần đầu) ngày 31/3/2006; đăng ký thay đổi lần hai ngày 21/5/2006; đăng ký thay đổi lần ba ngày 23/5/2011; đăng ký thay đổi lần bốn ngày 04/5/2012; đăng ký thay đổi kinh doanh lần năm ngày 30/5/2012, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 16/5/2014, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 20/5/2014, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 04/12/2014, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 02/4/2015, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 04/6/2016, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 11/10/2018, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 17/12/2020. Mã số doanh nghiệp hiện tại là: 0101058736.

- Ngành nghề kinh doanh chính:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
2	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dành cho vui chơi giải trí; - Lắp đặt thiết bị công nghệ, điện nước, đo lường, phòng chống cháy;	4329
3	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4	Hoàn thiện công trình xây dựng.	4330
5	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp.	2816
6	Sản xuất đồ gỗ xây dựng.	1622



7	Sản xuất bê tông và các loại sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
8	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá.	2396
9	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.	2512
10	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.	2592
11	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	3320
12	Xây dựng nhà các loại.	4100
13	Xây dựng công trình công ích.	4220
14	Phá dỡ.	4311
15	Chuẩn bị mặt bằng.	4312
16	<p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các tòa nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ tòa nhà, + Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng. 	4390
17	Đại lý, môi giới, đấu giá: Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
18	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</p>	4659
19	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110

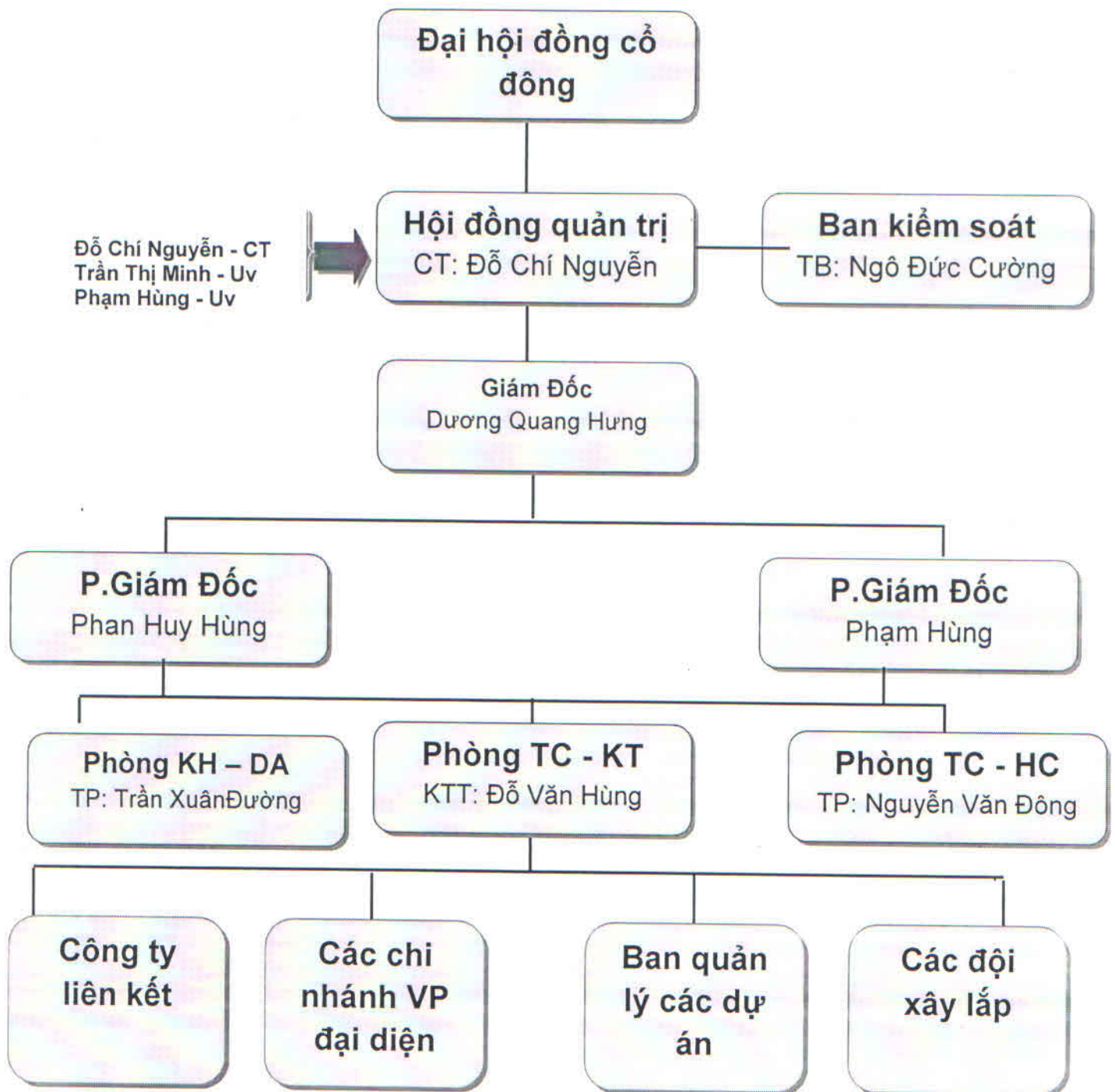
	<p>Chi tiết: - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;</p> <p>- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;</p> <p>- Tư vấn đầu tư, lập dự án và tổng lập dự toán, quản lý dự án (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);</p> <p>- Lập dự án đầu tư xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp thoát nước; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư; Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Lập thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình;</p>	
20	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.</p>	6810
21	<p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết: - Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 220KV;</p> <p>- Xây lắp đường dây và trạm biến áp, công trình nguồn điện;</p> <p>- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng đến nhóm A; Các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu công nghiệp và khu dân cư; Công trình giao thông đường bộ, cầu cảng, thủy lợi;</p>	4290
22	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ vận tải đường bộ, đại lý hàng hóa, cho thuê thiết bị và kho bãi;</p>	5229
23	<p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết: - Mua, bán thiết bị, vật tư kỹ thuật, vật liệu xây dựng;</p>	4663
24	<p>Sản xuất các cấu kiện kim loại</p> <p>Chi tiết: - Sản xuất kết cấu thép, nhà tiền chế, thiết bị phi tiêu chuẩn, tấm lợp, kim loại và phụ kiện.</p>	2511

25	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các loại vật liệu xây dựng	3290
26	Giáo dục nghề nghiệp: (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8532

- Địa bàn kinh doanh: Trải dài khắp các tỉnh thành trong cả nước,...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

* Mô hình quản trị:



TÀI SẢN

*** Các Công ty mẹ, Công ty con, công ty liên kết, Chi nhánh, VPĐD**

Công ty mẹ

Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam

- Địa chỉ: Toà nhà số 5 Láng Hạ, Hà Nội
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.370.093 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu: 52.15%

Các Công ty liên danh, liên kết:

- a. Công ty cổ phần bao bì Sông Công
 - Địa chỉ: Thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên
 - Điện thoại: 02803861123 Fax: 02803861123
 - Vốn điều lệ: 11.057.500.000đ
 - Tỷ lệ vốn góp của CIPC: 38%; tương đương: 4.200.000.000 đồng
- b. Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm VINAINCON
 - Địa chỉ: Huyện Nam Sách - Hải Dương
 - Điện thoại: Fax:
 - Vốn điều lệ: 40.000.000.000đ
 - Tỷ lệ vốn góp của CIPC: 20%; tương đương: 8.000.000.000 đồng
- c. Tổng Công ty Cổ phần VINAINCON
 - Địa chỉ: Tòa nhà số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
 - Điện thoại: Fax:
 - Vốn điều lệ: 550.000.000.000 đồng
 - Tỷ lệ vốn góp của CIPC: 0,36%; tương đương: 2.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)
- d. Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất công nghiệp Đức Giang
 - Địa chỉ: 106 Đức Giang, phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội
 - Điện thoại: Fax:
 - Vốn điều lệ: 12.000.000.000đ
 - Tỷ lệ vốn góp của CIPC: 10%; tương đương: 1.200.000.000 đồng

Chi nhánh và văn phòng đại diện

- a. Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và SX Công nghiệp - Xí nghiệp xây lắp và thi công cơ giới:
 - Địa chỉ: Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội
 - Tel/ fax: 04.35584472/04.38584274
- b. Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và SX Công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát Công trình:
 - Địa chỉ: Thanh trì, TP Hà Nội

- Tel/ fax: 04.38610994 / 38610994
- c. Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và SX Công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp 4:
 - Địa chỉ: Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Hà Nội
 - Tel/ fax: 04.37659072 / 04.38372736
- d. VPĐD công ty tại Quảng Ninh:
 - Địa chỉ : phường Cẩm Thịnh, Thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
 - Điện thoại : 033.3865166 Fax: 033.3865166

4. Định hướng phát triển:

* Về phát triển thị trường

- Xây dựng công nghiệp: Tiếp cận và phát triển các công việc với đối tác nước ngoài và doanh nghiệp trên địa bàn cả nước.

- Xây dựng dân dụng: Phát triển thị trường xây dựng nhà cao tầng, nhà ở tại địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận.

- Các công trình khác: Phát triển và điều chỉnh phù hợp theo năng lực.

* Nâng cao năng lực phục vụ phát triển thị trường và phục vụ SXKD chính

- Về tổ chức: Với một bộ máy Công ty duy nhất, phát triển bộ máy Công ty gọn nhẹ nhưng hiệu quả, không ngừng nâng cao trình độ, năng lực quản lý SXKD cho CBCNV và loại bỏ các yếu tố kém hiệu quả trong quản lý, phát triển con người phù hợp với năng lực và công việc của Công ty.

- Về máy móc thiết bị thi công: Theo phát triển thị trường và công việc, có hướng đầu tư đón trước các công việc theo kế hoạch. Đầu tư các thiết bị phù hợp phục vụ thi công, cạnh tranh với các đơn vị khác.

- Về tài chính: Luôn minh bạch hóa tài chính, huy động các nguồn lực tài chính để đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho hoạt động SXKD.

5. Các rủi ro:

Với ngành nghề đặc thù là Xây lắp dân dụng và công nghiệp, nên có nhiều những rủi ro luôn tiềm ẩn từ khách quan mang lại như: Biến động khó lường trước về giá cả đối với vật tư, biến động về cơ chế chính sách vĩ mô của nhà nước, biến động về sự dịch chuyển của thị trường, đặc biệt là công tác quyết toán công trình, dự án (do thời gian thi công thường keos dài, phức tạp,...)

Ngoài ra mặc dù Công ty luôn đặt vấn đề quan tâm đến ATLĐ, VSCN, PCCN lên hàng đầu, nhưng với những rủi ro không mong muốn sẽ luôn làm ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD chung của toàn Công ty.

II/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. Kết quả hoạt động SXKD 2021

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2020	Năm 2021			
			NQ 2021	TH 2021	Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3	4=3/1	5=3/2
1	Tổng DT và TN khác	130.819	289.177	188.231	143	65
	1.1. Xây lắp, SXCN	121.503	285.677	184.537	151	64,5
	1.2. DT khác	9.316	1000	3.691	40	369
2	Lợi nhuận sau thuế (*)	(15.141)	(1.000)	(12.584)		(125)
3	Tổng quỹ lương (trong DS)	2.330	6.640			
4	TNBQ LĐ trong DS (triệu đồng/người/tháng)	6.500	6.500			
5	Chia cổ tức/VĐL (%)	0				

Ghi chú: - (*) Lợi nhuận 2021 đã bao gồm xử lý tồn tại tài chính
- Lợi nhuận từ SXKD: 700 tr đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

a/ Danh sách Ban điều hành (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

Giám đốc: Dương Quang Hưng. CP nắm giữ: 0

Phó Giám đốc: Phạm Hùng. CP nắm giữ: 2.600

Phó Giám đốc: Phan Huy Hùng. CP nắm giữ: 0

Phó Giám đốc: Nguyễn Hùng Anh CP nắm giữ: 0

Kế toán trưởng: Đỗ Văn Hùng. CP nắm giữ: 0

b/ Những thay đổi trong ban điều hành:

c/ Tổng số cán bộ, nhân viên đến 31/12/2021: 26 người

Thu nhập bình quân 6.500.000, đ/ng/thg. (LĐ trong danh sách)

3. Tình hình đầu tư/ tình hình thực hiện các dự án :

a) Đầu tư các dự án: Tiếp tục rà soát và đánh giá lại các dự án, hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ pháp lý phù hợp với quy định của pháp luật để khai thác hiệu quả đối với từng dự án.

b). Đầu tư góp vốn vào các Công ty liên kết khác là: 15.580.000.000,đ

-Vốn đầu tư vào Công ty CP Bao bì Sông Công:	4.200.000.000,đ
- Vốn đầu tư vào VINAINCON:	2.180.000.000,đ
- Vốn đầu tư vào Công ty CP bê tông VINAINCON:	8.000.000.000,đ
- Vốn đầu tư vào Công ty CP XL&SXCN Đức Giang:	1.200.000.000,đ

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Doanh thu thuần	121.503	184.537	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (LN gộp)	(8.845)	(6.499)	
Lợi nhuận khác	(6.295)	1.794	
Lợi nhuận trước thuế	(15.141)	(12.584)	
Lợi nhuận sau thuế	(15.141)	(12.584)	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,97	0,92	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	0,70	0,68	
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,92	64,6	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	11,8	17,5	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	1,31	2,5	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,31	0,55	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0,12)	(0,07)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(0,50)	(0,7)	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0,039)	(0,037)
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0,073)	(0,078)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành: 4.545.000 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: Tổng Công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam: 52,15%
- Các cổ đông khác: 47,85%
- Cổ đông là tổ chức: 03 cổ đông
- Cổ đông là người nước ngoài: 02

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1 Tác động lên môi trường

6.2 Quản lý nguồn nguyên liệu

6.3 Tiêu thụ năng lượng

6.4 Tiêu thụ nước

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường

6.6 Các chính sách đối với người lao động

a) Số lượng cán bộ nhân viên: 26 người; Mức lương bình quân: 6.500.000, đ/ng/thg

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty có chế độ ăn ca cho toàn bộ cán bộ nhân viên trong Công ty. Các ngày lễ, tết trong năm đều được thưởng tiền, hàng năm đều có tổ chức cho cán bộ nhân viên đi thăm quan. Thường xuyên tổ chức các hoạt động Văn hóa - thể thao nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Công ty thực hiện việc đào tạo người lao động theo hình thức đào tạo tại chỗ, cập nhật các kiến thức xã hội, những phát triển công nghệ và các chế độ, chính sách mới của Nhà nước.

6.7) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Luôn có tinh thần hỗ trợ cộng đồng và công tác xã hội tại địa phương

6.8 Báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III/ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD:

Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên tình hình kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, trong năm Công ty không ký được các hợp đồng mới mà chỉ thực hiện các hợp đồng các năm trước chuyển sang, do vậy sản lượng, doanh thu thấp (giảm nhiều so với năm 2020 và những năm trước), lợi nhuận gộp không đủ bù đắp chi phí quản lý; công tác thu hồi vốn còn chậm do việc nghiệm thu thanh quyết toán của các chủ đầu tư chậm, do vướng mắc về thủ tục thanh quyết toán,... dẫn đến chi phí lãi vay cao; do Công ty và các Chi nhánh phải xử lý các tồn tại về tài chính nên hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty phát sinh lỗ, không đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản: Cuối năm 2021 tổng tài sản của Công ty là 334 tỷ, giảm 14 % so với năm 2020,

b) Tình hình nợ phải trả: Nợ phải trả năm 2021 là 316 tỷ, giảm 13 % so với năm 2020.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Khuyến khích các đội và đối tác trong công tác khai thác thị trường, tạo điều kiện tối đa về chính sách như: nhân lực, thiết bị, đảm bảo nguồn vốn cho các đội, đối tác để đảm bảo lợi ích cho các bên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Công tác thị trường: Tiếp tục củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, khai thác thị trường xây dựng dân dụng, công nghiệp, đặc biệt chú trọng các dự án có nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn rõ ràng,

- Công tác quản lý hoạt động SXKD: Rà soát và hoàn thiện cơ chế quản lý, đảm bảo tính công khai, minh bạch phù hợp với quy định của pháp luật; tạo điều kiện tối đa để thu hút các nguồn lực đảm bảo lợi ích cho Công ty và các đối tác.

- Cơ cấu lại bộ máy quản lý từ công ty đến các chi nhánh, tuyển dụng và đào tạo các lao động có chuyên môn sâu; xây dựng chế độ khen thưởng để khuyến khích và thu hút người lao động,....

- Huy động các nguồn lực tài chính để đảm bảo vốn cho sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục rà soát, đánh giá và làm rõ các tồn tại tại chính tại công ty và các chi nhánh để có phương án xử lý.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)

5.1 Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Theo BCTC năm 2021 đã được kiểm toán, lợi nhuận sau thuế công ty phát sinh lỗ 12,584 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên tình hình kinh doanh của CIPC gặp rất nhiều khó khăn, sản lượng, doanh thu giảm nhiều so với năm 2019 và những năm trước, một số công trình chưa quyết toán được với Chủ đầu tư, do vậy lợi nhuận gộp không đủ bù đắp chi phí quản lý; công tác thu hồi vốn còn chậm do việc nghiệm thu thanh toán của các chủ đầu tư chậm, vướng mắc về thủ tục thanh quyết toán,... dẫn đến chi phí lãi vay cao.
- Do kết chuyển giá vốn một số công trình đã hết doanh thu và tiền chậm nộp thuế tại các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

5.2 Về các ý kiến của kiểm toán viên tại BCTC năm 2021

- Đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả: Đây là các khoản công nợ phải thu, phải trả không có biến động trong năm, nguyên nhân chủ yếu là do CIPC chưa thanh toán/quyết toán với Chủ đầu tư nên CIPC chưa thanh toán/quyết toán lại cho các khách hàng, thầu phụ và chưa đủ căn cứ bù trừ công nợ đối với các công trình giao khoán cho các Đội thi công (nội bộ CIPC).

- Đối với chi phí dở dang công trình K2 Mỹ Đình đến 31/12/2021 là 17,4 tỷ đồng: Công trình này được CIPC thi công từ đầu năm 2017 nhưng đến nay vẫn chưa được Chủ đầu tư phê duyệt quyết toán. Trong quá trình thi công, phát sinh một số chi phí (ngoài hợp đồng), CIPC đã lập hồ sơ (khoảng 27,7 tỷ đồng) đề nghị Chủ đầu tư phê duyệt bổ sung nhưng đến nay chưa được phê duyệt.

- Đối với chi phí dở dang không biến động trong năm số tiền 30,2 tỷ đồng: Đây là các công trình chưa được chủ đầu tư nghiệm thu, thanh toán/quyết toán nên Công ty chưa đủ căn cứ để xuất hóa đơn doanh thu theo quy định.

- Về việc trích lập dự phòng đầu tư tài chính: Do kết quả kinh doanh phát sinh lỗ nên CIPC chưa thực hiện trích lập bổ sung dự phòng khoản đầu tư tài chính tại Công ty CP Bê tông ly tâm VINAINCON.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến tác động của môi trường và xã hội của công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, khí thải);
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động;
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội :*

Năm 2021 công tác quản trị được tăng cường, giám sát chặt chẽ các hoạt động của doanh nghiệp, kịp thời có những điều chỉnh và định hướng theo đúng mục tiêu mà ĐHCĐ thường niên đã đề ra. HĐQT Công ty đã tổ chức họp và xin ý kiến các thành viên bằng văn bản 7 lần, ban hành các nghị quyết và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Tuân thủ đầy đủ các quy định của UBCK, Sở Giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán trong việc công bố thông tin đại chúng và các quy định bắt buộc khác.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Hội đồng quản trị tiếp tục tăng cường công tác quản trị, giám sát và hỗ trợ kịp thời hoạt động của Ban điều hành thực hiện tốt nhất kế hoạch 2021 được Đại hội thông qua.

- Xây dựng chiến lược, định hướng phát triển Công ty trong những năm tiếp theo.

- Thực hiện tốt nhất các ủy quyền mà Đại hội đã ủy thác.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác)

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Chí Nguyễn - Thành viên độc lập: Chủ tịch HĐQT:

- Cổ phần SH: 12.941 CP

- Đại diện SH: 1.006.093 CP

- Người quản lý tại Công ty khác: Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP XDCN Việt Nam

Bà Trần Thị Minh - Thành viên độc lập : Ủy viên HĐQT

- Cổ phần SH: 0 CP

- Đại diện SH: 1.364.000 CP

- Người quản lý tại Công ty khác: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP XDCN Việt Nam

Ông Phan Huy Hùng: ủy viên HĐQT

- Cổ phần SH: 0 CP

- Đại diện SH: 0 CP

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức họp 06 lần và tổ chức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 01 lần để bàn và thống nhất về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty theo các nội dung do Giám đốc trình.

Các thành viên tham dự họp như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không dự
1	Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch	6	100%	
2	Bà Trần Thị Minh	UV HĐQT	6	100%	
3	Ông Phạm Hùng	UV HĐQT	5	100%	Miễn nhiệm 30/6/2021
3	Ông Phan Huy Hùng	UV HĐQT	1	100%	Bỏ nhiệm 30/6/2021

Stt	Số Biên bản/ Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Biên bản họp HĐQT	10/01/2021	Chấm dứt hoạt động của dự án Khu nhà ở tái định cư tại xã Xuân Phương
2	Biên bản họp HĐQT	23/2/2021	Thông qua các nội dung liên quan đến công tác tổ chức ĐHCĐ 2021
3	Biên bản họp HĐQT	28/4/2021	Xin gia hạn ĐHCĐ 2021
4	Biên bản họp HĐQT	17/5/2021	Hủy DSCĐ đã chốt ngày 25/3/2021 Chốt lại DSCĐ ngày 07/6/2021
5	Biên bản họp HĐQT	23/6/2021	1. Thông qua BC của người đại diện phần vốn tại Cty CP Bao bì Sông Công và Công ty Cp Bê tông ly tâm Vinaincon 2. Giới thiệu người tham gia BKS của Công ty CP Bao bì Sông Công

			3. Cử người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty Cp Bê tông ly tâm Vinaincon nhiệm kỳ 2021-2026
6	Biên bản họp HĐQT	30/6/2021	Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026
7	Biên bản họp HĐQT	06/10/2021	Phê duyệt hạn mức tín dụng, hạn mức bảo lãnh tại NH BIDV
8	Nghị quyết	28/4/2021	Ngày đăng ký cuối cùng ds cổ đông có quyền tham dự ĐHCĐ 2021
9	Nghị quyết 01-HĐQT	30/6/2021	Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026
10	Phiếu xin ý kiến 01-HĐQT	27/8/2021	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021
11	Quyết định số 74/QĐ-CIPC-HĐQT	10/1/2021	Về việc chấm dứt hoạt động dự án khu nhà ở tái định cư và KĐV tổng hợp tại xã Xuân Phương
12	Quyết định 24/QĐ-CIPC-HĐQT	17/5/2021	Về việc ĐHCĐ năm 2021
13	Quyết định 21/QĐ-CIPC-HĐQT	23/6/2012	Về việc thôi cử người đại diện phần vốn của CIPC tại Công ty cổ phần BTLT Vinaincon
14	Quyết định 22/QĐ-CIPC-HĐQT	23/6/2021	Về việc cử người đại diện phần vốn của CIPC tại Công ty cổ phần BTLT Vinaincon
15	Quyết định 23/QĐ-CIPC-HĐQT	23/6/2021	Về việc cử người ứng cử tham gia BKS Công ty Cp Bao Bì Sông Công

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm : Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

Ông Ngô Đức Cường – Trưởng ban KS

- Cổ phần SH: 0 CP

Ông Trần Đức Hoàng: Thành viên BKS

- Cổ phần SH: 0 CP

Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh - Thành viên BKS

- Cổ phần SH: 0 CP

b) Hoạt động của Ban kiểm soát (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm Ban kiểm soát đã có 03 cuộc họp, nội dung: Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2021, 9 tháng, Kiểm soát cả năm 2021. Biên bản làm việc của ban kiểm soát đã được gửi tới HĐQT và ban điều hành với những kết quả làm việc và kiến nghị của Ban kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ

TT	Chức danh	Mức lương / thù lao (01 tháng)	Mức lương/thù lao (01 năm)
1	CT HĐQT	5.000.000	60.000.000
2	TV HĐQT (02 người)	4.000.000	48.000.000
3	TB kiểm soát	3.000.000	36.000.000
4	TV Ban kiểm soát (03 người)	2.000.000	36.000.000
5	Giám đốc	12.000.000	144.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị chủ yếu tập trung vào công tác giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và công tác tổ chức mô hình hoạt động của Công ty

Trong tất cả các hoạt động điều hành của Ban Giám đốc đều có sự giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời của HĐQT. Các cuộc họp đều được thông báo tới HĐQT, do đó các công việc điều hành sản xuất được duy trì ổn định và xử lý kịp thời.

V/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

1. Ý kiến của kiểm toán

Tại ngày 31/12/2021, các khoản công nợ phải thu, phải trả như sau: Phải thu ngắn hạn của khách hàng 30 tỷ đồng, phải trả người bán 36,74 tỷ đồng, trả trước cho người bán 7,56 tỷ đồng, người mua trả tiền trước 8,12 tỷ đồng, phải thu khác 41,15 tỷ đồng, phải trả khác 25,63 tỷ đồng. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi cũng như thanh toán các khoản công nợ trên. Do đó, chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá và xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.7, Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn được thực hiện theo hình thức đấu thầu Công ty trực tiếp thi công, có giá trị hợp đồng không bao gồm thuế là 171,24 tỷ đồng. Doanh thu lũy kế đã ghi nhận đến 31/12/2021 là 171,34 tỷ đồng, chi phí dở dang của Dự án vẫn còn 17,4 tỷ đồng. Công ty đã lập hồ sơ đề nghị Chủ đầu tư hỗ trợ giá một số chi phí với giá trị 27,77 tỷ đồng. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, hai bên vẫn tiếp tục làm việc về nội dung này và chưa đi đến thống nhất. Do đó, Chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá và xác định ảnh hưởng vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.7, các phí phí dở dang không biến động của các công trình khác tại ngày 31/12/2021 là 30,24 tỷ đồng. Hiện nay, Công ty vẫn đang tiến hành rà soát và làm việc với Chủ đầu tư về việc thanh quyết toán các Công trình này nên chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng cần thiết để xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền 5,07 tỷ đồng..

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán: Bản scan kèm theo



Dương Quang Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam). Công ty chính thức được chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2980/QĐ-BCN ngày 22/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số doanh nghiệp là 0101058736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 31/3/2006, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 17/12/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 17/12/2020 là: 45.450.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CIP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch
Ông Phạm Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 30/6/2021)
Bà Trần Thị Minh	Thành viên
Ông Phạm Huy Hùng	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 30/6/2021)

Ban Kiểm soát

Ông Ngô Đức Cường	Trưởng ban
Ông Trần Đức Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Quang Hưng	Giám đốc
Ông Phạm Hùng	Phó Giám đốc
Ông Phan Huy Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Anh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay chưa;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc.



Dương Quang Hưng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Số: 158/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2021, các khoản công nợ phải thu, phải trả như sau: Phải thu ngắn hạn của khách hàng 30 tỷ đồng, phải trả người bán 36,74 tỷ đồng, trả trước cho người bán 7,56 tỷ đồng, người mua trả tiền trước 8,12 tỷ đồng, phải thu khác 41,15 tỷ đồng, phải trả khác 25,63 tỷ đồng. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi cũng như thanh toán các khoản công nợ trên. Do đó, chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá và xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.7, Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn được thực hiện theo hình thức đấu thầu Công ty trực tiếp thi công, có giá trị hợp đồng không bao gồm thuế là 171,24 tỷ đồng. Doanh thu lũy kế đã ghi nhận đến 31/12/2021 là 171,34 tỷ đồng, chi phí dở dang của Dự án vẫn còn 17,4 tỷ đồng. Công ty đã lập hồ sơ đề nghị Chủ đầu tư hỗ trợ giá một số chi phí với giá trị 27,77 tỷ đồng. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, hai bên vẫn tiếp tục làm việc về nội dung này và chưa đi đến thống nhất. Do đó, Chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá và xác định ảnh hưởng vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.7, các chi phí dở dang không biến động của các công trình khác tại ngày 31/12/2021 là 30,24 tỷ đồng. Hiện nay, Công ty vẫn đang tiến hành rà soát và làm việc với Chủ đầu tư về việc thanh quyết toán các Công trình này nên chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng cần thiết để xác định ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền 5,07 tỷ đồng.
Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại thuyết minh số 4, trong đó mô tả về giả định hoạt động liên tục của Công ty. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ vào ngày 09/4/2021.



Net

Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Lê Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4301-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		292.049.624.990	344.620.522.542
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	14.220.730.402	18.027.182.600
1. Tiền	111		4.920.730.402	4.327.182.600
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.300.000.000	13.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.650.000.000	10.350.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	13.650.000.000	10.350.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.202.277.764	218.757.654.742
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	61.488.108.017	90.945.508.422
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	40.648.716.237	30.856.304.459
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	99.211.226.478	114.957.013.429
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(17.145.772.968)	(18.001.171.568)
IV. Hàng tồn kho	140		76.389.818.276	95.657.900.354
1. Hàng tồn kho	141	5.7	76.389.818.276	95.657.900.354
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.586.798.548	1.827.784.846
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.586.798.548	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.827.784.846
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		42.134.967.302	42.589.086.820
II. Tài sản cố định	220		8.718.654.651	9.172.774.169
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	8.012.784.816	8.435.611.598
- Nguyên giá	222		21.425.379.516	21.620.879.516
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.412.594.700)	(13.185.267.918)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	705.869.835	737.162.571
- Nguyên giá	228		889.636.601	889.636.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(183.766.766)	(152.474.030)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.228.913.617	18.228.913.617
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	18.228.913.617	18.228.913.617
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	14.390.211.000	14.390.211.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.200.000.000	12.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.380.000.000	3.380.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.189.789.000)	(1.189.789.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		797.188.034	797.188.034
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	797.188.034	797.188.034
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		334.184.592.292	387.209.609.362

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		316.476.428.083	356.916.718.078
I. Nợ ngắn hạn	310		316.476.428.083	356.916.718.078
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	125.849.300.728	137.553.958.658
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	48.335.666.882	60.744.387.046
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	11.811.793.477	11.625.979.198
4. Phải trả người lao động	314		830.741.141	848.064.739
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	4.741.653.729	10.544.925.193
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	58.131.689.521	65.181.606.274
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	66.373.541.683	70.003.356.048
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		402.040.922	414.440.922
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		17.708.164.209	30.292.891.284
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	17.708.164.209	30.292.891.284
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.450.000.000	45.450.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.450.000.000	45.450.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.498.950.000	4.498.950.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(32.240.785.791)	(19.656.058.716)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(19.656.058.716)	(4.514.328.704)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(12.584.727.075)	(15.141.730.012)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		334.184.592.292	387.209.609.362

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Giám đốc





Đỗ Trung Dũng

Đỗ Văn Hùng

Dương Quang Hưng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	184.357.265.888	121.503.264.834
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		184.357.265.888	121.503.264.834
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	190.856.623.443	125.078.808.269
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(6.499.357.555)	(3.575.543.435)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	984.514.314	1.398.236.565
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5.877.112.571	3.745.016.297
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.877.112.571	3.745.016.297
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	2.986.845.271	2.923.650.315
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(14.378.801.083)	(8.845.973.482)
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.890.023.492	7.918.279.021
12. Chi phí khác	32	6.6	1.095.949.484	14.214.035.551
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.794.074.008	(6.295.756.530)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(12.584.727.075)	(15.141.730.012)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(12.584.727.075)	(15.141.730.012)
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	61	6.9	(2.769)	(3.332)

Người lập



Đỗ Trung Dũng

Kế toán trưởng



Đỗ Văn Hùng

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022



Dương Quang Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(12.584.727.075)	(15.141.730.012)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		432.194.556	533.188.862
- Các khoản dự phòng	03		(855.398.600)	(1.550.000.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.121.249.351)	(1.299.861.589)
- Chi phí lãi vay	06		5.877.112.571	3.745.016.297
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(8.252.067.899)	(13.713.386.442)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		33.904.034.603	3.717.067.945
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.268.082.078	32.748.041.530
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(37.211.328.028)	(71.388.562.675)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	708.006.830
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.443.843.610)	(3.878.995.297)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		150.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(32.566.563)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.232.460.581	(51.807.828.109)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		158.387.272	900.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.300.000.000)	(10.350.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		732.514.314	1.398.236.565
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.409.098.414)	(8.051.763.435)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		85.360.280.774	60.367.005.399
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(88.990.095.139)	(50.418.168.725)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.629.814.365)	9.948.836.674
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(3.806.452.198)	(49.910.754.870)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		18.027.182.600	67.937.937.470
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	14.220.730.402	18.027.182.600

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Giám đốc





Đỗ Trung Dũng

Đỗ Văn Hùng

Dương Quang Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam). Công ty chính thức được chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2980/QĐ-BCN ngày 22/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số doanh nghiệp là 0101058736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 31/03/2006, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 17/12/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 17/12/2020 là: 45.450.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh: CONSTRUCTION AND INDUSTRIAL PRODUCTION JOIN STOCK COMPANY

Tên viết tắt: CIPC

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã CIP.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021: 26 người (tại 01/01/2021 là 29 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; Lắp đặt thiết bị công nghệ, điện nước, đo lường, phòng chống cháy;
- Lắp đặt hệ thống điện; Hoàn thiện công trình xây dựng; Sản xuất các thiết bị nâng hạ và bốc xếp, sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng kim loại; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc, thử độ ẩm và công việc thử nước, chống thấm các tòa nhà;
- Đại lý môi giới đầu giá: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kinh doanh bất động sản quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất các cấu kiện kim loại, sản xuất khác chưa được phân vào đâu./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Thi công xây lắp các công trình và cho thuê tài sản...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động xây lắp của Công ty phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà công ty thực hiện.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Danh sách Công ty liên kết của Công ty

- | | |
|-------------------------------------|--|
| Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon | - Địa chỉ: Thôn Tháp Phan, xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, Hải Dương |
| | - Tỷ lệ phần sở hữu: 20% |
| | - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 20% |
| Công ty CP Bao bì Sông Công | - Địa chỉ: Phố dân phố 4A, phường Phố Cò, TP. Sông Công, Thái Nguyên |
| | - Tỷ lệ phần sở hữu: 38% |
| | - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 38% |

Các đơn vị trực thuộc

- | | |
|---|---|
| Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới | - Địa chỉ: Số 150/72 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội |
| Chi nhánh Công ty CP Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp - Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát công trình | - Địa chỉ: Số 1 Đại Đồng, Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội |

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2021, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền 24.412.803.093 đồng. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty tiếp tục lỗ với số tiền là (12.584.727.075) đồng. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc thu hồi quyết toán các công trình xây lắp, cải thiện hoạt động kinh doanh, gia hạn thanh toán các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và các nhà cung cấp.... Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Công ty đã thực hiện các biện pháp cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động.
- Tích cực thu hồi công nợ và quyết toán các công trình xây lắp.
- Công ty đã làm việc với các ngân hàng về việc gia hạn các khoản phải trả.
- Phân đầu sản xuất kinh doanh có hiệu quả...

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu công ty liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính tổng hợp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập bình quân tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và Khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý, tài sản cố định khác	03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình, thời gian khấu hao quyền sử dụng đất là 50 năm, phần mềm máy tính là 05 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các năm tài chính sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí của các công trình như Dự án Xuân Phương, xây dựng Nhà điều hành Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới và dự án khu nhà làm việc Xí nghiệp Xây lắp 7 được ghi nhận theo giá gốc.

Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả công ty liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng, thu nhập khác

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

DU
IG
IT
IE
AN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng, thu nhập khác (Tiếp theo)

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh xây lắp, hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ do đó toàn bộ doanh thu, chi phí, và các tài sản, công nợ chỉ phục vụ duy nhất cho hoạt động này... và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	83.350.861	73.954.289
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.837.379.541	4.253.228.311
Các khoản tương đương tiền (*)	9.300.000.000	13.700.000.000
Tổng	14.220.730.402	18.027.182.600

(*) Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng gửi tại các ngân hàng.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	13.650.000.000	13.650.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng gửi tại:</i>				
Ngân hàng TMCP Dầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng	13.650.000.000	13.650.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000
Tổng	13.650.000.000	13.650.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.3 Phải thu khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	61.488.108.017	90.945.508.422
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Đông Anh	8.473.127.020	19.478.368.020
Công ty TNHH Địa ốc EDEN GARDEN	3.934.934.650	-
Sở KHCN Hà Nội- DA TT GD CN thường xuyên	6.340.999.008	6.340.999.008
Ban Quản lý dự án đầu tư quận Ba Đình	8.965.668.000	5.527.185.163
XL 7-Đường ống nước số 2 Sơn động 3	4.800.276.765	4.800.276.765
BQLDA Khu vực phía nam - Ngân hàng BIDV	200.441.801	4.696.947.458
CT Trường Đại học Công nghiệp Việt Hưng	2.558.950.100	2.618.066.618
Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	1.197.780.671	7.786.383.796
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	158.059.693	6.493.662.439
Các đối tượng khác	24.857.870.309	33.203.619.155
Tổng	61.488.108.017	90.945.508.422
Trong đó phải thu của các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	1.838.795.364	14.968.905.635

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	40.648.716.237	30.856.304.459
Công ty TNHH TM và XD Linh Ngân	8.183.566.050	5.881.921.050
Công ty CP XD và Kỹ thuật HAFA	13.085.851.898	-
Công ty TNHH AP Group Việt Nam	2.716.334.500	-
Công ty TNHH Xây dựng và TM QP Việt Nam	2.662.003.470	3.729.663.741
Công ty CP Gia An Group Việt Nam	100.014.948	6.299.781.712
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	13.900.945.371	14.944.937.956
Tổng	40.648.716.237	30.856.304.459
Trong đó trả trước cho các bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	1.660.642.027	1.660.642.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.5 Phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	99.211.226.478	11.654.145.102	114.957.013.429	11.654.145.102
Tân - Công trình gia cố Sông Nhuệ	4.123.936.278	-	4.123.936.278	-
Thiện - Công trình Viettel Cà Mau	4.036.066.629	-	4.036.066.629	-
H.V.Tỉnh-CT khu đất 1,65ha Cổ Nhuế	3.860.329.225	-	3.860.329.225	-
Công ty 27/7 Ninh Bình - CT XMTN	3.628.925.510	-	3.628.925.510	-
Phải thu các đội trường và phải thu khác	40.322.314.132	4.839.459.295	33.004.725.471	4.839.459.295
Tạm ứng (*)	43.239.654.704	6.814.685.807	66.303.030.316	6.814.685.807
Tổng	99.211.226.478	11.654.145.102	114.957.013.429	11.654.145.102

*Trong đó phải thu bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

	203.533.020	-	97.922.880	-
--	--------------------	---	-------------------	---

(*) Chủ yếu bao gồm các khoản tạm ứng cho cán bộ nhân viên, tổ đội phục vụ thi công các công trình.

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	17.145.772.968	-	18.001.171.568	-
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Dương Đức Hạnh				2.363.015.009
Công ty Chế tạo máy				5.436.575.194
Đào Mạnh Hùng				961.414.679
Trần Văn Phúc				1.600.816.467
Đối tượng khác				6.783.951.619
Tổng				17.145.772.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	702.728.874	-	702.728.874	-
Công cụ, dụng cụ	12.370.818	-	12.370.818	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	75.674.718.584	-	94.942.800.662	-
Tổng	76.389.818.276	-	95.657.900.354	-

(*) Chi tiết các công trình sản xuất kinh doanh dở dang:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công trình K2 Mỹ Đình	17.439.407.259	17.315.397.659
Công trình 82 Nguyễn Tuân Phần điện, nước	-	10.260.699.537
DA mở rộng gang thép TN 2009 (*)	7.781.182.411	7.781.182.411
CT New Melbourne Bắc Ninh	6.155.403.183	6.142.800.443
XD trụ sở BIDV Bạc Liêu	-	5.586.928.965
CTXD Trường tiểu học Kim Chung 2	1.914.881.808	5.212.248.609
DA TT GDTX-Sở KH-CN Hà Nội.	5.560.567.607	4.129.053.440
CT NM xi măng Thái Nguyên	3.390.213.866	-
Các công trình khác (*)	33.433.062.450	38.514.489.598
Tổng	75.674.718.584	94.942.800.662

(*) Trong đó số dư các công trình xây lắp dở dang không biến động trong năm là 30,24 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2021	13.486.196.178	2.657.993.270	5.253.505.524	223.184.544	21.620.879.516
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	195.500.000	-	-	195.500.000
Thanh lý, nhượng bán	-	195.500.000	-	-	195.500.000
Số dư tại 31/12/2021	<u>13.486.196.178</u>	<u>2.462.493.270</u>	<u>5.253.505.524</u>	<u>223.184.544</u>	<u>21.425.379.516</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2021	5.183.827.322	2.524.750.528	5.253.505.524	223.184.544	13.185.267.918
Tăng trong năm	316.417.235	84.484.585	-	-	400.901.820
Khấu hao trong năm	316.417.235	84.484.585	-	-	400.901.820
Giảm trong năm	-	173.575.038	-	-	173.575.038
Thanh lý, nhượng bán	-	173.575.038	-	-	173.575.038
Số dư tại 31/12/2021	<u>5.500.244.557</u>	<u>2.435.660.075</u>	<u>5.253.505.524</u>	<u>223.184.544</u>	<u>13.412.594.700</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2021	<u>8.302.368.856</u>	<u>133.242.742</u>	-	-	<u>8.435.611.598</u>
Tại 31/12/2021	<u>7.985.951.621</u>	<u>26.833.195</u>	-	-	<u>8.012.784.816</u>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2021 với giá trị là 9.739.244.264 VND (tại 01/01/2021 là 9.286.727.464 VND).

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là: 7.178.336.069 VND (tại ngày 01/01/2021 là 7.892.998.640 VND).

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2021	814.636.601	75.000.000	889.636.601
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	<u>814.636.601</u>	<u>75.000.000</u>	<u>889.636.601</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2021	99.974.030	52.500.000	152.474.030
Tăng trong năm	16.292.736	15.000.000	31.292.736
Khấu hao trong năm	16.292.736	15.000.000	31.292.736
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	<u>116.266.766</u>	<u>67.500.000</u>	<u>183.766.766</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2021	<u>714.662.571</u>	<u>22.500.000</u>	<u>737.162.571</u>
Tại 31/12/2021	<u>698.369.835</u>	<u>7.500.000</u>	<u>705.869.835</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí XDCB dở dang	18.228.913.617	18.228.913.617	18.228.913.617	18.228.913.617
Đầu tư dự án Xuân Phương	252.950.947	252.950.947	252.950.947	252.950.947
Xây dựng Nhà điều hành (*)	17.975.962.670	17.975.962.670	17.975.962.670	17.975.962.670
Tổng	18.228.913.617	18.228.913.617	18.228.913.617	18.228.913.617

(*) Dự án xây dựng trụ sở Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tại số 150, ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; dự án mới thực hiện triển khai ở giai đoạn đầu, chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp.

Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng dự án cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Thanh Thủy theo hợp đồng số 40/HĐKT ngày 14/10/2015, tuy nhiên theo Thông báo số 740/TB-KH&ĐT ngày 22/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, hồ sơ đề xuất chuyển nhượng dự án của nhà đầu tư còn một số nội dung tồn tại chưa đủ điều kiện báo cáo UBND thành phố xem xét việc chuyển nhượng, do đó Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo trả hồ sơ đề nghị chuyển nhượng dự án, sau khi Công ty hoàn thiện hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ thẩm định và báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định.

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	31/12/2021			01/01/2021		
				Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết				12.200.000.000		(1.189.789.000)	12.200.000.000		(1.189.789.000)
Công ty CP Bao Bì Sông Công (1)	11.057.500.000	37,98%	37,98%	4.200.000.000	(*)	-	4.200.000.000	(*)	-
Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon (2)	40.000.000.000	20,00%	20,00%	8.000.000.000	(*)	(1.189.789.000)	8.000.000.000	(*)	(1.189.789.000)
Đầu tư dài hạn khác				3.380.000.000		-	3.380.000.000		-
Công ty CP Xây lắp và SXCN Đức Giang	12.000.000.000	10,00%	10,00%	1.200.000.000	(*)	-	1.200.000.000	(*)	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác				2.180.000.000	(*)	-	2.180.000.000	(*)	-
Tổng				15.580.000.000		(1.189.789.000)	15.580.000.000		(1.189.789.000)

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính, do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(1): Công ty CP Bao bì Sông Công là đơn vị kinh tế độc lập, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600422297 ngày 07/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 11.057.500.000 VND.

(2): Công ty CP Bê tông ly tâm Vinaincon được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800727161 cấp ngày 08/7/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Vốn điều lệ của Công ty là : 40.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dài hạn	797.188.034	797.188.034
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	797.188.034	797.188.034
Tổng	797.188.034	797.188.034

5.13 Phải trả người bán

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	125.849.300.728	125.849.300.728	137.553.958.658	137.553.958.658
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và TM QT Hồng Hà	6.099.503.444	6.099.503.444	3.177.973.793	3.177.973.793
Công ty TNHH Sungshin Vina	4.580.000.000	4.580.000.000	6.880.000.000	6.880.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Quang Sơn	4.592.975.000	4.592.975.000	4.593.255.000	4.593.255.000
Công ty TNHH Việt Đức	1.430.000.000	1.430.000.000	6.200.000.000	6.200.000.000
Công ty CP XNK TM và XD Ngọc Khánh	-	-	5.879.602.000	5.879.602.000
GT19.2 dg mỏ đá vôi Xi măng - Tân Việt	8.634.856.978	8.634.856.978	8.634.856.978	8.634.856.978
CT TNHH Tâm Phúc	4.410.391.611	4.410.391.611	4.410.391.611	4.410.391.611
Công ty CP Nhật Nam	3.800.000.000	3.800.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000
Công ty CP Đầu tư XD và TM Tùng Sơn	2.167.630.108	2.167.630.108	4.350.306.895	4.350.306.895
Công ty CP phát triển địa ốc Hoàng An	3.389.925.400	3.389.925.400	-	-
Phải trả các đối tượng khác	86.744.018.187	86.744.018.187	89.027.572.381	89.027.572.381
Tổng	125.849.300.728	125.849.300.728	137.553.958.658	137.553.958.658

Trong đó phải trả bên liên quan *4.592.975.000* *4.592.975.000* *4.593.255.000* *4.593.255.000*
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

5.14 Người mua trả tiền trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	48.335.666.882	60.744.387.046
Công an tỉnh Lai Châu	8.976.312.288	15.113.755.902
Ban QLDA Đầu tư XD Quận Bắc từ Liêm	2.592.824.873	11.772.121.000
Ban QLDA ĐTXD Công trình Văn hóa - xã hội thành phố Hà Nội	25.490.923.000	-
Ban QLDA Đầu tư XD Huyện Đông Anh	-	10.508.994.000
Ban QLDA Đầu tư XD khu vực Agribank	-	2.909.699.807
Các khách hàng khác	11.275.606.721	20.439.816.337
Tổng	48.335.666.882	60.744.387.046

Trong đó người mua trả trước là các bên liên quan *-* *3.709.145.991*
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng	2.911.359.060	179.596.131	-	3.090.955.191
Thuế thu nhập cá nhân	482.730.188	213.026.840	111.816.413	583.940.615
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	477.027.125	362.056.667	368.703.839	470.379.953
Các loại thuế khác	7.754.862.825	120.726.092	209.071.199	7.666.517.718
Tổng	11.625.979.198	875.405.730	689.591.451	11.811.793.477

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại Xí nghiệp Xây lắp và Thi công Cơ Giới và Xí nghiệp Xây lắp Khảo sát với số tiền 11,2 tỷ đồng (thuế GTGT, thuế nhà đất và các loại thuế khác), do đó phát sinh các khoản thuế chậm nộp trong tương lai liên quan đến số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại 2 Xí nghiệp này.

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	4.741.653.729	10.544.925.193
Trích trước chi phí công trình và các chi phí khác	4.741.653.729	10.544.925.193
Tổng	4.741.653.729	10.544.925.193

5.17 Phải trả khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Ngắn hạn	58.131.689.521	65.181.606.274
- Kinh phí công đoàn;	64.254.107	43.806.287
- Bảo hiểm xã hội;	160.802.986	220.744.934
- Bảo hiểm y tế;	-	47.136.584
- Bảo hiểm thất nghiệp;	-	21.671.342
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	1.462.621.255	5.525.497.155
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	56.444.011.173	59.322.749.972
Công ty TNHH MTV và Dịch vụ Thanh Thủy (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	-	3.000.000.000
Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	378.216.000	4.363.096.900
Phải trả các Đội xây lắp và phải trả khác	36.065.795.173	31.959.653.072
Tổng	58.131.689.521	65.181.606.274
Trong đó phải trả là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	378.216.000	7.363.096.900

(*) Khoản phải trả Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh Thủy theo hợp đồng chuyển nhượng dự án xây dựng trụ sở Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tại số 150, ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội số 40/HĐKT ngày 14/10/2015 như đã trình bày tại thuyết minh số 5.10 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, Đường Trần Phú, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	66.373.541.683	66.373.541.683	85.360.280.774	88.990.095.139	70.003.356.048	70.003.356.048
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Hai Bà Trưng (1)	64.277.802.246	64.277.802.246	85.070.280.774	86.916.095.139	66.123.616.611	66.123.616.611
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Tây Hà Nội (2)	24.000.000	24.000.000	-	-	24.000.000	24.000.000
Vay cá nhân	2.071.739.437	2.071.739.437	290.000.000	2.074.000.000	3.855.739.437	3.855.739.437
Tổng	66.373.541.683	66.373.541.683	85.360.280.774	88.990.095.139	70.003.356.048	70.003.356.048

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/14/HĐBL ngày 05/01/2021 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Hạn mức cấp tín dụng tối đa là 70 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức bảo lãnh đến hết ngày 30/9/2021. Lãi suất xác định cho từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kì. Tài sản đảm bảo: Tài sản của Quý công ty hoặc Bên thứ 3 được BIDV chấp nhận.

(2) Khoản vay theo HĐ vay số 1480-LAY-201100473/HĐTD ngày 30/05/2011. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng hạn mức tín dụng 25 tỷ đồng, hạn mức cho vay 15 tỷ đồng, vốn xin bảo lãnh 10 tỷ đồng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ hoặc theo thông báo của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	45.450.000.000	4.498.950.000	(4.514.328.704)	45.434.621.296
Tăng trong năm	-	-	(15.141.730.012)	(15.141.730.012)
Lỗi trong năm trước	-	-	(15.141.730.012)	(15.141.730.012)
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	45.450.000.000	4.498.950.000	(19.656.058.716)	30.292.891.284
Số dư tại 01/01/2021	45.450.000.000	4.498.950.000	(19.656.058.716)	30.292.891.284
Tăng trong năm	-	-	(12.584.727.075)	(12.584.727.075)
Lỗi trong năm nay	-	-	(12.584.727.075)	(12.584.727.075)
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	45.450.000.000	4.498.950.000	(32.240.785.791)	17.708.164.209

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	23.700.930.000	23.700.930.000
Các cổ đông khác	21.749.070.000	21.749.070.000
Tổng	45.450.000.000	45.450.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	45.450.000.000	45.450.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	45.450.000.000	45.450.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.545.000	4.545.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.545.000	4.545.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.545.000	4.545.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.545.000	4.545.000
Cổ phiếu phổ thông	4.545.000	4.545.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu hoạt động Xây lắp	184.357.265.888	121.503.264.834
Tổng	184.357.265.888	121.503.264.834

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hoạt động Xây lắp	190.856.623.443	125.078.808.269
Tổng	190.856.623.443	125.078.808.269

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	732.514.314	1.398.236.565
Cổ tức được chia	252.000.000	-
Tổng	984.514.314	1.398.236.565

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	5.877.112.571	3.745.016.297
Tổng	5.877.112.571	3.745.016.297

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.132.515.625	2.419.495.877
Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	-	4.229.000
Chi phí khấu hao	302.619.432	291.626.234
Thuế, phí, lệ phí	11.618.567	93.242.922
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng	(855.398.600)	(1.550.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	77.448.145
Chi phí khác bằng tiền	1.395.490.247	1.587.608.137
Tổng	2.986.845.271	2.923.650.315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.6 Thu nhập khác / Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản, vật tư	195.023.635	3.906.374.182
Xử lý công nợ không phải trả	279.829.687	1.033.325.063
Doanh thu cho nhà xưởng, máy móc	2.170.364.873	2.533.044.036
Thu nhập khác	244.805.297	445.535.740
Tổng	2.890.023.492	7.918.279.021
Chi phí khác		
Giá trị vật tư thanh lý	217.044.544	5.735.235.216
Tiền thuế và tiền phạt chậm nộp	99.266.065	7.742.071.984
Chi phí cho thuê nhà xưởng	129.575.124	-
Chi phí khác	650.063.751	736.728.351
Tổng	1.095.949.484	14.214.035.551
Lãi (lỗ) hoạt động khác	1.794.074.008	(6.295.756.530)

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	45.389.482.611	24.493.592.125
Chi phí nhân công	8.927.354.077	17.057.114.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	302.619.432	399.563.738
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng	(855.398.600)	(1.550.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.885.072.872	56.466.012.493
Chi phí khác bằng tiền	1.407.108.814	1.545.065.263
Tổng	177.056.239.206	98.411.347.828

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	(12.584.727.075)	(15.141.730.012)
Điều chỉnh tăng (các khoản tiền phạt)	99.266.065	8.093.285.811
Thu nhập chịu thuế	(12.485.461.010)	(7.048.444.201)
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận (lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.584.727.075)	(15.141.730.012)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(12.584.727.075)	(15.141.730.012)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.545.000	4.545.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(2.769)	(3.332)

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN	Công ty mẹ
Công ty TNHH Xi măng Quang Sơn	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP TV & TK xây dựng Vinaincon	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Bao bì Sông Công	Công ty liên kết
Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch HĐQT
Trần Thị Minh	Thành viên HĐQT
Phan Huy Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
Phạm Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT
Ngô Đức Cường	Trưởng BKS
Trần Đức Hoàng	Thành viên BKS
Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thành viên BKS
Dương Quang Hưng	Giám đốc, người được ủy quyền CBTT
Nguyễn Hùng Anh	Phó Giám đốc
Đỗ Văn Hùng	Kế toán trưởng
Và các thành viên lân cận trong gia đình của các cá nhân là các	Bên liên quan.

Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<u>Giao dịch bán hàng</u>			
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Quang Sơn	Khối lượng xây lắp	609.467.182	-
<u>Giao dịch khác</u>			
Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN	Điều chỉnh khối lượng quyết toán	-	(192.188.336)
Công ty CP Bao bì Sông Công	Cổ tức được chia	252.000.000	-
Phải trả người bán			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với bên liên quan		31/12/2021	01/01/2021
Các khoản phải trả	Mối quan hệ	VND	VND
Người mua trả tiền trước		-	3.709.145.991
Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN	Công ty mẹ	-	1.433.129.345
Công ty TNHH Xi măng Quang Sơn	Cùng Công ty mẹ	-	2.276.016.646
Phải trả khác		378.216.000	7.363.096.900
Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN	Công ty mẹ	378.216.000	4.363.096.900
Công ty TNHH Xi măng Quang Sơn	Cùng Công ty mẹ	-	3.000.000.000
Phải trả người bán		4.592.975.000	4.593.255.000
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Quang Sơn	Cùng Công ty mẹ	4.592.975.000	4.593.255.000
		31/12/2021	01/01/2021
Các khoản phải thu	Mối quan hệ	VND	VND
Phải thu khách hàng		1.838.795.364	14.968.905.635
Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN	Công ty mẹ	1.197.780.671	7.786.383.796
Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn	Cùng Công ty mẹ	158.059.693	6.493.662.439
Công ty CP TV & TK xây dựng Vinaincon	Cùng Công ty mẹ	-	205.904.400
Công ty TNHH MTV Xây lắp hóa chất	Cùng Công ty mẹ	482.955.000	482.955.000
Trả trước cho người bán		1.660.642.027	1.660.642.027
Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN	Công ty mẹ	1.660.642.027	1.660.642.027
Phải thu khác		203.533.020	97.922.880
Tổng Công ty CP XD Công nghiệp VN	Công ty mẹ	203.533.020	97.922.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thù lao của Hội đồng Quản Trị			
Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Trần Thị Minh	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Phan Huy Hùng	Thành viên	24.000.000	-
Phạm Hùng	Thành viên	24.000.000	48.000.000
Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Cộng		180.000.000	180.000.000
Thù lao của Ban Kiểm soát			
Ngô Đức Cường	Trưởng ban	36.000.000	36.000.000
Trần Đức Hoàng	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Cộng		84.000.000	84.000.000
Tiền lương của TGD và người quản lý khác			
Dương Quang Hưng	Giám đốc, người được ủy quyền công bố thông tin	99.671.000	124.260.000
Phan Huy Hùng	Phó Giám đốc	106.199.000	122.488.000
Nguyễn Hùng Anh	Phó Giám đốc	28.375.000	5.400.000
Đỗ Văn Hùng	Kế toán trưởng	77.995.000	78.039.000
Cộng		312.240.000	330.187.000

7.2 Thông tin khác

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có số dư thuế và các khoản phải nộp nhà nước tại Xí nghiệp Xây lắp và Thi công Cơ Giới và Xí nghiệp Xây lắp Khảo sát với số tiền 11,2 tỷ đồng, do đó có thể phát sinh các khoản thuế chậm nộp trong tương lai liên quan đến số dư thuế và các khoản phải nộp nhà nước tại 2 Xí nghiệp này.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.10, Dự án xây dựng trụ sở Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp tại số 150, ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội chưa đủ điều kiện chuyển nhượng dự án theo thông báo của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, theo đó trong tương lai nếu dự án không được cấp phép chuyển nhượng thì Công ty có thể sẽ không thu hồi được lợi ích tương ứng với chi phí xây dựng cơ bản dở dang (chủ yếu là tiền thuế đất và tiền phạt chậm nộp tiền thuế đất) đã phát sinh.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Giám đốc

Đỗ Trung Dũng

Đỗ Văn Hùng

Dương Quang Hưng



Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org